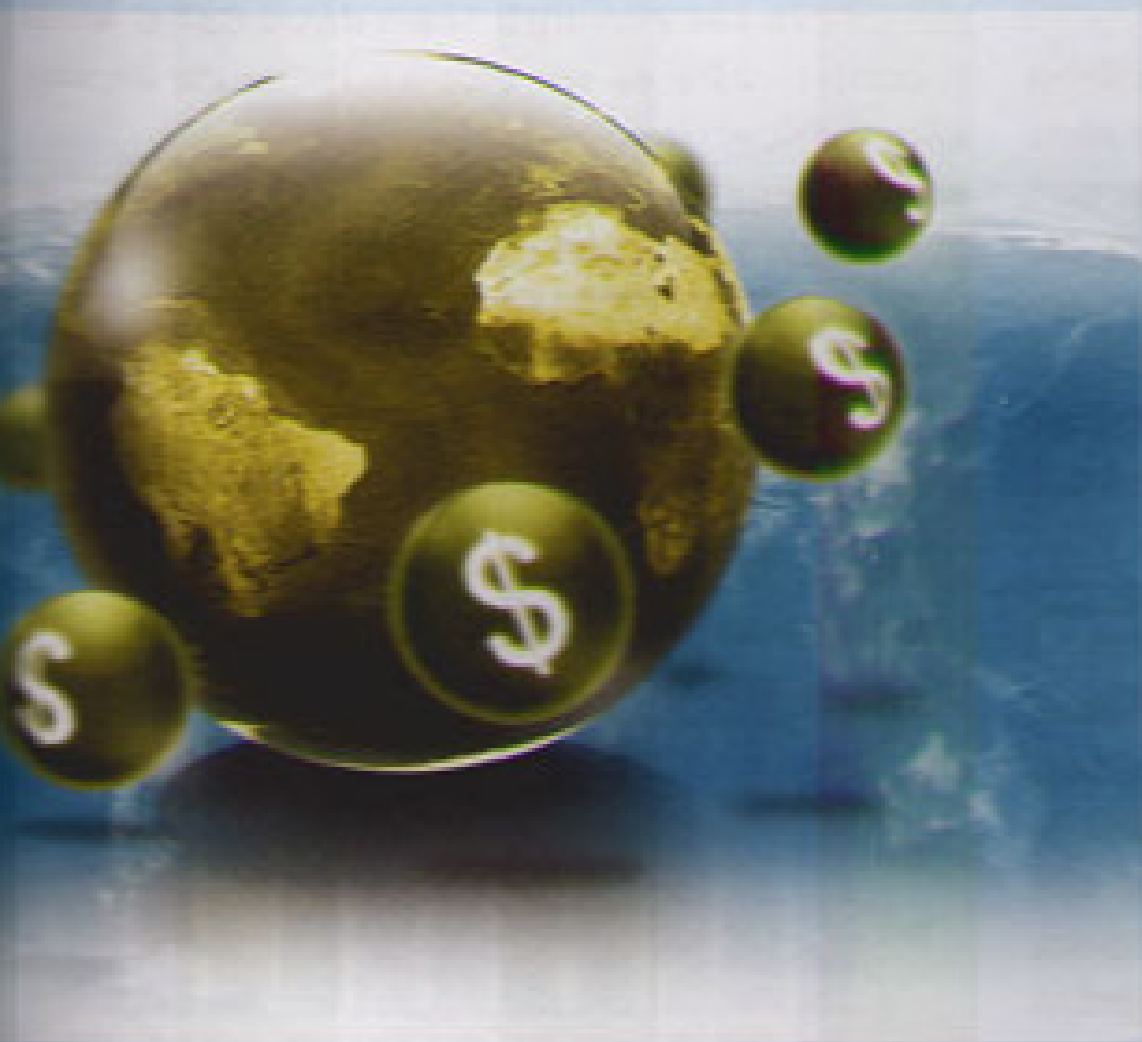


# Xác định mức độ tập trung trong hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam



TS. TRỊNH QUỐC TRUNG

DH Ngân hàng - TP.HCM

## 1 – Giới thiệu:

Trong nửa cuối năm 2008, khi các ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần có vốn điều lệ dưới 1000 tỉ đang có nguy cơ không đáp ứng được yêu cầu về vốn tự có tối thiểu theo Nghị định 141/2006/ND-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 thì một trong những phương án là các ngân hàng này buộc phải tham gia vào các giao dịch sáp nhập, hợp nhất và mua lại để có thể tồn tại là điều được nhiều chuyên gia kinh tế và các nhà quản lý hoạt động ngân hàng tính đến.

Trên thực tế, điều này đã không xảy ra do các ngân hàng vào giờ "G" là 31/12/2008 đã cơ bản có được số vốn tối thiểu là 1.000 tỉ theo qui định hoặc các chấn sẽ có.

Vấn đề đặt ra ở đây là việc các NHTM ở Việt Nam thực hiện hoạt động M&A không phải là vấn đề mới. Tuy nhiên, trong điều kiện Việt Nam đã gia nhập WTO và các BTA khác thì hoạt động này cần phải được tiến hành một cách có qui tắc và chuẩn mực hơn.

Mặc dù các ngân hàng thường được mọi người xem như có những điểm khác biệt so với các tổ chức kinh doanh khác trong nền kinh tế nhưng về bản chất họ vẫn là các DN. Do đó, hoạt động M&A đối với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng vẫn phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật về M&A nói chung tại Việt Nam.

## 2 – Khái niệm hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại:

Theo thông lệ quốc tế, khái niệm sáp nhập, hợp nhất và mua lại DN thường được đề cập đến với thuật ngữ M&A (Merger and Acquisitions) trong đó các thuật ngữ được hiểu như sau:

Sáp nhập (Merger) là việc kết hợp hai hoặc nhiều công ty lại với nhau bằng cách phát hành cổ phiếu của công ty đi sáp nhập cho các cổ đông của các công ty khác với một tỉ lệ nào đó.

Mua lại (Acquisition) là việc một công ty mua lại hầu hết hoặc phần lớn cổ phần của công ty mục tiêu để chiếm quyền kiểm soát công ty

này. Việc này thường được dùng như một phần của chiến lược tăng trưởng của công ty khi người ta thấy rằng đi mua lại một công ty hiện hữu sẽ tốt hơn là tự mình phát triển. Việc mua lại thường được tiến hành bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu của công ty đi mua lại hoặc kết hợp cả hai. Việc mua lại thường xảy ra theo hướng thù địch hoặc hòa hảo.

Tuy nhiên, thuật ngữ M&A cũng chứa đựng trong nó một hàm nghĩa của hoạt động hợp nhất (Consolidation) là việc thành lập một tổ chức mới để tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các tổ chức tham gia hoạt động hợp nhất.

Hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại giữa các tổ chức xét về bản chất chính là quá trình kết hợp từ 2 tổ chức trở lên lại với nhau và có thể được minh họa như sau:

	Trước khi kết hợp	Sau khi kết hợp
Sáp nhập	A và B	A hoặc B
Hợp nhất	A và B	C
Mua lại	A và B	A và B

Tại Việt Nam, hoạt động M&A cũng đã được qui định trong Luật cạnh tranh 2004 như sau:

Sáp nhập DN là việc một hoặc một số DN chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang một DN khác, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của DN bị sáp nhập.

Hợp nhất DN là việc hai hoặc nhiều DN chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một DN mới, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các DN bị hợp nhất.

Mua lại DN là việc một DN mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của DN khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hoặc một ngành nghề của DN bị mua lại.

Điều này có nghĩa là đã có sự thống nhất về quan điểm của Việt Nam với thông lệ thế giới về hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại trên thế giới.

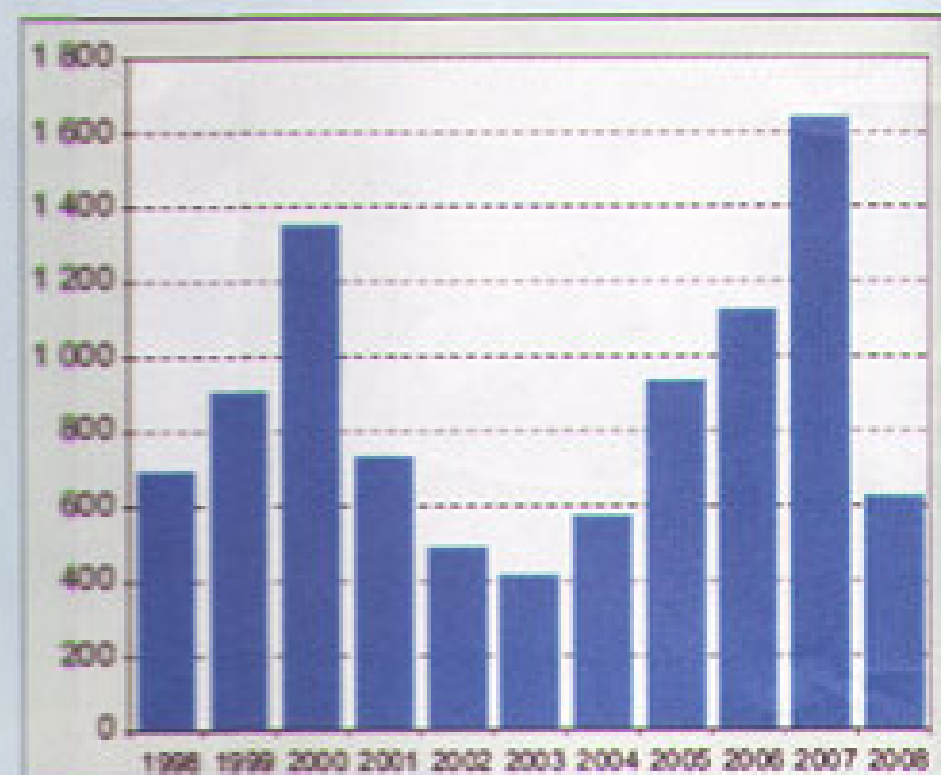
### 3 – Thực trạng sáp nhập, hợp nhất và mua lại hiện nay trên thế giới

Sau bốn năm liên tục gia tăng, FDI toàn cầu đã tăng khoảng 30% trong năm 2007 đạt mức 1.833 tỉ USD. Mặc dù có các cuộc khủng hoảng tài chính và tín dụng bắt đầu vào nửa đầu 2007 nhưng cả ba nhóm nước chính – các nước phát triển, các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi tại Đông Âu và CIS vẫn tiếp tục gia tăng dòng vốn vào. Tuy nhiên, vốn FDI vào

các nước phát triển vẫn đạt 1.248 tỉ USD mà chủ yếu là Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Canada và Hà Lan với nguồn vốn chủ yếu đến từ EU (chiếm khoảng 2/3).

Dòng vốn FDI toàn cầu gia tăng mạnh đã có sự đóng góp đáng kể của hoạt động M&A xuyên biên giới. Theo Bảng 2, trong năm 2007, giá trị của các giao dịch M&A đạt 1.637 tỉ USD – cao hơn 21% so với mức kỷ lục trước đó vào năm 2000.

**Bảng 2: Giá trị các vụ M&A xuyên biên giới giai đoạn 1998-2008 (tỉ USD)**



*Nguồn: U NCTAD (dữ liệu 2008 tính đến 06/2008)*

Do đó, nhìn chung thì cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu với khủng hoảng nhà đất dưới chuẩn tại Hoa Kỳ đã không có tác động xấu rõ rệt đến hoạt động M&A trên toàn cầu trong năm 2007.

Ngược lại, vào cuối năm 2007 đã có những vụ M&A lớn với giá trị hàng tỉ USD xảy ra bao gồm vụ tập đoàn Royal Bank for Scotland, Fortis và Santander mua lại ABN-AMRO Holding NV với giá 98 tỉ USD đã làm cho hoạt động M&A xuyên quốc gia đạt mức kỷ lục (Bảng 3) với số lượng các vụ M&A vào năm 2007 đạt 10.145 trường hợp (chỉ tính những giao dịch có giá trị trên 10% vốn cổ phần). Tuy nhiên, các cuộc khủng hoảng hiện tại đã dẫn đến cuộc khủng hoảng thanh khoản trên các thị trường tiền tệ và thị trường nợ tại nhiều quốc gia phát triển đã làm cho các hoạt động M&A bắt đầu suy giảm trong năm 2008, đặc biệt là các giao dịch LBO (Leverage Buyout) – thường liên quan đến các quỹ đầu tư tư nhân (Private Equity Fund).

**Bảng 3: Các vụ M&A trị giá trên 1 tỉ USD giai đoạn 1987-2008**

Năm	Số vụ	Tỉ trọng	Giá trị (tỉ USD)	Tỉ trọng
1987	19	1,6	39,1	40,1
1988	24	1,3	53,2	38,7
1989	31	1,1	68,2	40,8
1990	48	1,4	83,7	41,7
1991	13	0,3	31,5	27,0
1992	12	0,3	23,8	21,0
1993	18	0,5	37,7	30,5
1994	36	0,8	72,6	42,5
1995	44	0,8	97,1	41,9
1996	48	0,8	100,2	37,9
1997	73	1,1	146,2	39,4
1998	111	1,4	408,8	59,0
1999	137	1,5	578,4	64,0
2000	207	2,1	999,0	74,0
2001	137	1,7	451,0	61,7
2002	105	1,6	265,7	55,0
2003	78	1,2	184,2	44,8
2004	111	1,5	291,3	51,5
2005	182	2,1	569,4	61,3
2006	215	2,4	711,2	63,6
2007	300	3,0	1 161	70,9
Q1	54	2,1	153,7	53,7
Q2	98	3,7	359,4	76,1
Q3	73	2,9	251,3	67,1
Q4	75	3,1	396,9	78,7
2008*	137	3,1	439,4	70,7
Q1	77	3,3	259,7	73,8
Q2	60	2,9	179,7	66,8

*Nguồn: UNCTAD (dữ liệu 2008 tính đến 06/2008)*

Trong giai đoạn 2005 – 2007, hoạt động M&A xuyên biên giới chủ yếu diễn ra tại các nước phát triển nhưng nhìn chung chủ yếu vẫn xảy ra tại các ngành dịch vụ và sản xuất với sự giảm sút của khối ngành cơ bản từ 17% vào năm 2005 còn 7% vào năm 2007 (Bảng 4).

**Bảng 4: M&A xuyên biên giới theo lĩnh vực và theo khối kinh tế (tỉ USD)**

Lĩnh vực kinh tế	2005				2006				2007			
	Tổng	Cơ bản	Sản xuất	Dịch vụ	Tổng	Cơ bản	Sản xuất	Dịch vụ	Tổng	Cơ bản	Sản xuất	Dịch vụ
Tổng	629	136	255	238	1118	159	305	754	1637	113	267	1457
Thay đổi (%)	130	17	27	34	100	12	27	61	100	7	26	67
Cơ bản	+17	625	151	222	447	999	98	275	598	104	132	132
Sản xuất												
Dịch vụ												
Cơ bản	+17	98	2	28	67	132	8	23	101	132	24	28
Sản xuất												
Dịch vụ	+17	13	2	6	4	17	3	6	7	20	2	16

*Nguồn: UNCTAD*

**4 – Hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại trong lĩnh vực ngân hàng**

Hiện nay việc hợp nhất, sáp nhập, mua lại các ngân hàng là hiện tượng phổ biến ở các nước mà điển hình nhất là hệ thống ngân hàng Mỹ. Năm 1985 nước Mỹ có 14.000 ngân hàng thì 10 năm sau chỉ còn 11.500 ngân hàng và trung bình trung thập niên 80 mỗi năm có 355 vụ M&A và thập niên 90 là gần 400 nhưng lý do dẫn đến việc sáp nhập, hợp nhất và mua lại có sự khác nhau nhất định của từng quốc gia.

Hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng ở các nước phát triển:

Các ngân hàng ở những quốc gia này đã phát triển đến mức bão hòa với qui luật lợi nhuận giảm

dẫn nên doanh thu, lợi nhuận cũng giảm do đó chúng đã sáp nhập, hợp nhất và mua lại lẫn nhau nhằm cắt giảm chi phí, mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung, đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường qui mô kinh doanh cũng như lợi thế cạnh tranh đáp ứng với xu thế phát triển của nền kinh tế khu vực hóa và quốc tế hóa. Ví dụ tại Mỹ thời gian qua đã có nhiều cuộc sát nhập do những lý do như: (1) các ngân hàng Mỹ đã cho vay các nước đang phát triển quá nhiều nên nguy cơ thiếu vốn gia tăng; (2) sự khác biệt về luật pháp làm cho nguồn dự trữ của hệ thống dự trữ liên bang không lớn; (3) mạng lưới chi nhánh của các ngân hàng Mỹ không lớn do các hạn chế về mở chi nhánh ở các bang khác nhau. Tuy nhiên nhìn chung tùy thuộc vào qui mô của các ngân hàng mà lý do sáp nhập cũng khác nhau

Đối với các ngân hàng lớn:

Lý do quan trọng nhất là cắt giảm chi phí hoạt động và gia tăng qui mô kinh doanh nhờ việc sáp nhập, hợp nhất sẽ tăng vốn huy động, tăng vốn điều lệ và giới hạn cho vay từng khách hàng đơn lẻ. Ngoài ra cũng có thể để đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ kinh doanh, tăng uy tín của ngân hàng hoặc tiết kiệm chi phí thành lập chi nhánh.

Đối với các ngân hàng nhỏ:

Các ngân hàng nhỏ sát nhập, hợp nhất hoặc bán lại cho những ngân hàng lớn vì thiếu vốn điều lệ theo luật hoặc tránh phá sản hoặc để tối đa hóa lợi ích của các cổ đông. Ngoài ra các ngân hàng nhỏ cũng có thể tiến hành sáp nhập, hợp nhất để thành một ngân hàng lớn hơn.

Hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng ở các nước đang phát triển:

Tại các quốc gia đang phát triển hoặc chuyển đổi hệ thống ngân hàng hầu như còn rất non trẻ, nên qui mô không lớn, kinh nghiệm kinh doanh chưa nhiều, sản phẩm còn nghèo nàn, luật lệ kinh doanh chưa rõ ràng, đây đủ nên lý do dẫn đến việc sáp nhập, hợp nhất các ngân hàng ở các nước chủ yếu là do chính phủ muốn sắp xếp, củng cố hệ thống ngân hàng nhằm tăng cường qui mô vốn, an toàn trong kinh doanh ngân hàng như các nước Nga, Bungari, các nước Đông Nam Á sau khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997.

Việt Nam cũng đang tiến hành đồng thời 2 cuộc cải cách nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển đó là cải cách các DN nhà nước (DNNN) và cải cách hệ thống ngân hàng với nhiều biện pháp

khác nhau mà một trong những biện pháp quan trọng là thực hiện, khuyến khích, buộc các NHTM cổ phần sáp nhập, hợp nhất và mua lại lẫn nhau nhằm hình thành những ngân hàng lớn, đủ sức cạnh tranh trong tương lai khi Việt Nam gia nhập AFTA và WTO đồng thời tránh sự lặp lại của cuộc đổ bể tín dụng vào những năm 1989-1990 (Bảng 5).

**Bảng 5: Một số vụ M&A trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam**

Vụ việc	Thời điểm
Bốn HTX TD hợp nhất thành NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	1991
NHTMCP Phương Nam sáp nhập với NHTMCP NT Đồng Tháp	1997
NHTMCP Phương Nam sáp nhập với NHTMCP Bạc Liêu	1999
NHTMCP Đồng Á sáp nhập với NHTMCP NT Từ giãc Long Xuyên	2001
NHTMCP Phương Nam sáp nhập với Quỹ TONH Định công	2001
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín sáp nhập với NHTMCP NT Thanh Thủy	
NHTMCP Quốc Mỹ sáp nhập với NHTMCP Miền sông	
NHTMCP Phương Nam sáp nhập NHTMCP NT Cà Mau	2003
NHTMCP Phương Đông sáp nhập NHTMCP NT Tây Đô	
NHTMCP Đà Nẵng hợp nhất với Công ty Tài chính Sài Gòn thành NHTMCP Việt Á	
NH Đầu tư và Phát triển VNI sáp nhập NHTMCP Nam Đô	
NHTMCP Đồng Á sáp nhập NHTMCP NT Tân Hiệp	2004

Ngoài việc các ngân hàng và các tổ chức tín dụng (TCTD) tại Việt Nam tiến hành hoạt động M&A mang tính bắt buộc thì vẫn diễn ra các vụ M&A giữa các Ngân hàng Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài (Bảng 6) hoặc các tổng công ty, tập đoàn góp vốn thành lập các ngân hàng mới tại Việt Nam (Bảng 7) hoặc bán thân các ngân hàng tham gia góp vốn vào các ngân hàng khác (Bảng 8).

**Bảng 6: Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng Việt Nam**

Ngân hàng	Người mua CP	Thời điểm công bố	Tỉ lệ sở hữu
Sacombank	ANZ Bank	01/2008	10%
ACB	Standard Chartered Bank	06/2008	8,30%
		05/2008	8,10%
Techcombank	HSBC	12/2008	10%
		01/2007	10%
		06/2008	10%
VPB	OCBC	11/2007	10%
OCB	BNP Paribas	11/2008	10%
PNB	United Overseas Bank Ltd	01/2007	10%
	Hana Finance Corporation	01/2008	10%
Habubank	Deutsche Bank	01/2007	20%
EIB	SMBC	03/2007	10%
PVFC	Morgan Stanley	11/2007	10%
ABB	May Bank	05/2008	10%

*Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

**Bảng 7: Nhà đầu tư trong nước mua cổ phần của ngân hàng Việt Nam**

Ngân hàng	Người mua CP	Thời điểm công bố	Tỉ lệ sở hữu
ABB	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2008	30%
GPB	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2008	20%
PCB	Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam	2007	40%
Tân Phong	Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ FPT	2008	15%
	Công ty Thông tin Di động VMS		15%
	Công ty CP Tài bảo hiểm Việt Nam		15%

*Nguồn: Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam*

**Bảng 8: Ngân hàng Việt Nam mua cổ phần của Ngân hàng Việt Nam**

STT	Ngân hàng	Tỉ lệ sở hữu
1	NHTMCP Xuất - nhập khẩu Việt Nam	15,00%
2	NHTMCP Sài Gòn Công Thương	10%
3	NHTMCP Quân đội	7,33%
4	NHTMCP Gia đình	30%
5	NHTMCP Phương Đông	9,45%
6	NHTMCP Quốc tế	7,60%
7	NHLD Chongqing	50,00%

*Nguồn: Báo bạch của Vietcombank*

**5 – Qui định về mức độ tập trung trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, qui định của Nhà nước liên quan đến hoạt động M&A được đề cập đến trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Bộ Luật Dân sự; Luật Cạnh tranh 2004; Luật DN 2005; Luật Chứng khoán 2006; Luật Đầu tư 2005; Luật DNNN 2003.

Trong đó, mỗi văn bản pháp luật qui định một khía cạnh khác nhau của hoạt động M&A:

Bộ Luật Dân sự 2005 qui định những vấn đề chung liên quan đến đa vị pháp lý, các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia các giao dịch dân sự.

Luật DN 2005 qui định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và DN tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế; qui định về nhóm công ty.

Luật Đầu tư 2005 qui định về hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

Luật Cạnh tranh 2004 qui định về hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Luật Chứng khoán 2006 qui định về hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Luật DNNN 2003 qui định việc thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty nhà nước.

Nhằm kiểm soát quá trình M&A để đảm bảo hoạt động này không dẫn đến tình trạng hình thành các DN, tập đoàn đủ lớn có khả năng khống chế thị trường dẫn đến thiệt hại cho người tiêu dùng, các DN khác cũng như nhà nước, Luật cạnh tranh 2004 chỉ kiểm soát hoạt động M&A dựa

trên cơ sở xem xét qui mô kiểm soát thị trường của DN sau khi thực hiện hoạt động M&A. Cụ thể như sau:

Đối với các trường hợp trong đó thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của các DN tham gia dưới 30% hoặc trường hợp DN hình thành sau khi thực hiện tập trung kinh tế vẫn thuộc loại DN nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật thì các DN được tiến hành tập trung kinh tế mà không cần phải thực hiện thủ tục thông báo bắt buộc cho Cục quản lý cạnh tranh (có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng và dưới 300 lao động – Nghị định 30/2001/ND-CP).

Đối với các trường hợp trong đó thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của các DN tham gia từ 30% đến 50% thì các DN được tiến hành tập trung kinh tế tuy nhiên đại diện hợp pháp của các DN đó phải thực hiện thủ tục thông báo cho Cục Quản lý Cạnh tranh trước khi tiến hành tập



trung kinh tế theo Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế do Cục Quản lý cạnh tranh ban hành.

Đối với các trường hợp trong đó thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của các DN tham gia chiếm trên 50% trên thị trường liên quan và DN hình thành sau hoạt động tập trung kinh tế không thuộc loại DN nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật (Điều 18, Luật Cạnh tranh) thì không được chấp thuận. Tuy nhiên, các vụ M&A thuộc diện bị cấm cũng có thể được xem xét và miễn trừ trong hai trường hợp: (i) một hoặc nhiều bên tham gia hoạt động M&A đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản; hoặc (ii) việc M&A có tác dụng mở rộng xuất khẩu hoặc góp phần phát triển kinh tế – xã hội, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ (Điều 19, Luật Cạnh tranh).

Việc áp dụng các qui định của Luật cạnh tranh trong việc xác định thị phần đối với các TCTD nếu muốn tham gia vào hoạt động M&A sẽ được tính toán như sau (Điều 12 của ND116/2005/ND-CP ngày 15/09/2005 qui định chi tiết Luật Cạnh tranh):

Doanh thu để xác định thị phần của TCTD được tính bằng tổng các khoản thu nhập sau đây:

1. Thu nhập tiền lãi.
2. Thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ.
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối.
4. Thu nhập từ lãi góp vốn, mua cổ phần.
5. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác.
6. Thu nhập khác.

Trường hợp ngoại lệ, nếu TCTD mua lại DN khác nhằm mục đích bán lại trong thời gian dài nhất là 01 năm sẽ không bị coi là tập trung kinh tế nếu DN mua lại không thực hiện quyền kiểm soát hoặc chi phối DN bị mua lại, hoặc thực hiện quyền này chỉ trong khuôn khổ bắt buộc để đạt được mục đích bán lại đó (Điều 35 của Nghị định 116/2005/ND-CP).

Qui định đặc thù cho hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng:

Do lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực đặc thù nên hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng đã được qui định trong Quyết định 241/1998/NHNN5 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành Quy chế sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD cổ phần Việt Nam.

Tuy nhiên, trong qui chế này chỉ mới áp dụng cho các TCTD cổ phần ở Việt Nam thực hiện hoạt

động M&A với nhau (Điều 3 và Điều 19 của Quyết định 241/1998/NHNN5) dưới hai hình thức tự nguyện và bắt buộc:

- Tự nguyện: Các TCTD cổ phần đang hoạt động bình thường, nhưng tự nguyện xin sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại TCTD cổ phần khác để thành một TCTD cổ phần có quy mô lớn hơn, hoạt động an toàn hơn và có mức vốn điều lệ lớn hơn.

- Bắt buộc: Các TCTD cổ phần được đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt hoặc không đủ mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của nhà nước hoặc hoạt động yếu kém không thể thực hiện hoạt động M&A theo hình thức tự nguyện và có nguy cơ đổ vỡ, NHNN sẽ quyết định thu hồi giấy phép hoạt động (TCTD cổ phần phải giải thể, nếu có khả năng thanh toán hết nợ hoặc phá sản theo luật định) hoặc bắt buộc TCTD cổ phần phải sáp nhập, hợp nhất hoặc bán lại và chỉ định TCTD khác mua lại.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, việc tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực ngân hàng là điều không tránh khỏi nên Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2007/ND-CP ngày 20 tháng 04 năm 2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của NHTM Việt Nam như sau:

Tỉ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là TCTD nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

- Mức sở hữu cổ phần của một TCTD nước ngoài và người có liên quan của TCTD nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Một số vấn đề cần giải quyết:

- Giới hạn về mức độ tập trung trong lĩnh vực ngân hàng trong Luật cạnh tranh được dựa trên

**TỶ GIÁ BÌNH QUÂN CỦA VND VÀ USD  
TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI TẾ  
LIÊN NGÂN HÀNG  
THÁNG 03 + 04/2009**

NGÀY	THÁNG 03	THÁNG 04
1		16,943
2	16,972	16,943
3	16,970	16,941
4	16,969	16,940
5	16,971	
6	16,973	16,940
7	16,972	16,940
8		16,938
9	16,972	16,939
10	16,975	16,937
11	16,977	16,938
12	16,976	
13	16,974	16,938
14	16,975	16,936
15		16,939
16	16,975	16,938
17	16,977	16,940
18	16,976	16,941
19	16,978	
20	16,981	16,941
21	16,980	16,939
22		16,936
23	16,980	16,937
24	16,980	16,935
25	16,978	16,934
26	16,975	
27	16,970	16,934
28	16,963	16,936
29		16,937
30	16,963	
31	16,954	
<b>BÌNH QUẢN</b>	<b>16,973</b>	<b>16,938</b>

**MỸ HẠNH**

thị phần trong khi theo Nghị định 69/2007/ND-CP lại căn cứ trên vốn điều lệ.

- Trong các văn bản pháp luật hiện hành chưa đề cập đến các giới hạn khi TCTD nước ngoài hoặc nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua vốn tại 2 ngân hàng Việt Nam trở lên.

(tiếp theo số 39)